**TUẦN 11**

**TOÁN**

**BÀI 24: CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ - HÀNG VÀ LỚP ( tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết các hàng trong lớp đơn vị và lớp nghìn; đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số có sáu chữ số; giới thiệu các số tròn trăm nghìn trong phạm vi 1000000.

- Vận dụng việc đếm thêm để đếm tiền, hoàn thiện tia số.

- HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực chú trọng : Tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV và HS: Bộ đồ dùng học số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Hoạt động Khởi động:**  a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi. | |
| - Đếm theo trăm nghìn từ 100.000 đến 900000.  - GV (vừa nói, vừa viết lên bảng lớp):  + “Đây là dân số của thành phố Bảo Lộc”  + Viết: 170 920 người, rồi hỏi: “Số này có mấy chữ số? Gồm những hàng nào?”  → GV: Cứ ba hàng lại tạo thành một lớp. Khi viết và đọc số, ta viết và đọc theo các lớp.  - GV giới thiệu bài. | - HS thực hiện  - HS nêu tên các hàng từ bé đến lớn (hàng đơn vị, hàng chục, ..., hàng trăm nghìn).  - Lắng nghe  - Ghi tên bài vào vở |
| **II. Hoạt động Thực hành, luyện tập :** | |
| **1. Hoạt động 1 (15 phút): :Luyện tập**  a. Mục tiêu:  - Vận dụng việc đếm thêm để đếm tiền, hoàn thiện tia số.  - HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Hoạt động cả lớp | |
| **Bài 1: Tìm các số còn thiếu rồi đọc các số:**  **a) 699 991; 699 992; 699 993; .?.; .?.; 699 996.**  **b) 700 007; 700 008; 700 009; .?.; .?.; 700 012**  **-** Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả  **-** GV nhắc lại cách đọc các số đặc biệt (các số có chữ số 0; các số tận cùng là 1;4;5)  **Bài 2: Viết số, biết số đó gồm:**  a. 7 trăm nghìn, 5 nghìn và 3 đơn vị  b. 5 trăm nghin, 6 trăm và 2 đơn vị.  c. 3 chục nghìn, 4 nghìn và 6 chục  d. 2 trăm nghìn và 5 đơn vị  - GV yêu cầu HS đọc đề, xác định các việc cần làm  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều HS đọc  **Bài 3: Số?**  Mẫu: Lớp nghìn của số 401950 gồm các chữ số 4; 0; 1.  a. Lớp nghìn của số 786 400 gồm các chữ số: .?.; .?.; .?.  b. Lớp nghìn của số 45 830 gồm các chữ số: .?.; .?.; .?.  c. Lớp nghìn của số 64 109 gồm các chữ số: .?.; .?.; .?.  d. Lớp nghìn của số 8 173 gồm các chữ số: .?.; .?.; .?.  - GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu :  + Viết số 401 950 ra bảng con  + Phân tích số: Số gồm 4 trăm nghìn, 1 nghìn, 9 trăm và 5 chục  → Lớp nghìn của số 401 950 gồm các chữ số: 4; 0; 1.  - GV nhận xét, sửa sai, khuyến khích nhiều HS nói  **Bài 4: Viết số thành tổng theo các hàng**  a. 871634  b. 2409074  c. 505050  - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi  - Gợi ý các bước HS có thể thực hiện:  + Viết số vào bảng con  + Phân tích cấu tạo số → Viết số thành tổng  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều HS nói | a) 699 991; 699 992; 699 993; 699 994; 699 995; 699 996.  b) 700 007; 700 008; 700 009; 700 010; 700 011; 700 012.  - HS đọc yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ rồi đọc số  - HS trình bày theo yêu cầu của GV  **-** Nối tiếp đọc kết quả  a. 750 003  b. 500 602  c. 34 060  d. 200 005.  **-** HS đọc yêu cầu  - HS xác định các việc cần làm: viết số theo cấu tạo số cho sẵn  - HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn  a) Lớp nghìn của số 786 400 gồm các chữ số: 4; 0; 0.  a) Lớp đơn vị của số 45 830 gồm các chữ số: 8; 3; 0.  a) Lớp nghìn của số 64 019 gồm các chữ số: 0; 1; 9.  a) Lớp đơn vị của số 8 173 gồm các chữ số: 1; 7; 3.  - HS làm bài theo nhóm đôi  - HS làm vào bảng con → Đọc số  a. 871 634 = 800 000 + 70 000 + 1 000 + 600 + 30 + 4  b. 240 907 = 200 000 + 40 000 + 900 + 7  c. 505 050 = 500 000 + 5 000 + 50  - HS thực hành tìm hiều bài, nhận biết yêu cầu của bài  - HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn |
| **3. Hoạt động vận dụng:**  a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Cá nhân – Bảng con | |
| - GV yêu cầu HS đọc viết các số có 6 chữ số bất kỳ.  - Yêu cầu HS thực hiện cá nhân | - HS đọc và viết số theo yêu cầu |
| **4. Hoạt động nối tiếp:**  - Về nhà tìm các bài tập tương tự để làm thêm.  - Chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TUẦN 11**

**TOÁN**

**BÀI 24: CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ - HÀNG VÀ LỚP (tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết các hàng trong lớp đơn vị và lớp nghìn; đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số có sáu chữ số; giới thiệu các số tròn trăm nghìn trong phạm vi 1000000.

- Vận dụng việc đếm thêm để đếm tiền, hoàn thiện tia số.

- HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực chú trọng : Tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV và HS: Bộ đồ dùng học số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**  a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi. | |
| -T/C *Ai nhanh Ai đúng*  +TBHT điều hành  + Lớp theo dõi nhận xét, đánh giá. | -HS tham gia chơi  - 2 HS lên bảng tính ai làm nhanh và đúng trước sẽ thắng.  -Nhận xét, đánh giá, tuyên dương bạn làm đúng. |
| **2. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm** | |
| **Bài 5: Số?**    - GV yêu cầu HS đọc  - Thảo luận nhóm 4  - Yêu cầu HS trình bày kết quả  - GV nhận xét đánh giá  **Bài 6: Câu nào đúng, câu nào sai?**  a. Số ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn là: 352 384  b. 800 000 + 600 + 9 = 869 000  c. Các số 127 601; 230 197; 555 000; 333 333 để là số lẻ  d. 333 000; 336 000; 339 000; 342 000 là các số tròn nghìn.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - GV khuyến khích HS giải thích đúng vì sao đúng và sai vì sao sai.  - GV nhận xét đánh giá | Các số được điền theo thứ tự:  a) 148 226; 148 228; 148 230.  b) 323 405; 323 407; 323 411.  c) 570 000; 580 000; 590 000.  d) 600 000; 700 000; 900 000.  - HS thảo luận và thực hành  - Các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp  a) Đúng  b) Sai  c) Sai  d) Đúng  - HS xác định yêu cầu và thực hiện cá nhân  - HS trình bày theo quan điểm của mình  - Lớp nhận xét |
| - Yêu cầu HS đọc bài, sử dụng bảng con.  - GV khuyến khích HS nêu cách làm  - GV giải thích nói thêm về những mặt hàng xuất khẩu | - HS đọc và chia sẻ những hiểu biết về dừa sáp  - Viết đáp án vào bảng con và giơ bảng theo hiệu lệnh |
| **3. Hoạt động nối tiếp:**  - Về nhà tìm các bài tập tương tự để làm thêm.  - Chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TUẦN 11**

**TOÁN**

**Bài 25: TRIỆU – LỚP TRIỆU (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết các hàng trong lớp triệu; đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số có nhiều chữ số; giới thiệu các số tròn triệu, chòn chục triệu, tròn trăm trong phạm vi các số có 9 chữ số.

- Vận dụng để đọc các thông tin trong bảng thống kê số liệu

- HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV: đồ dùng hoc số; bảng cho nội dung Cùng học; hình ảnh mục Thử thách (nếu cần).
* HS: Bộ đồ dùng học số

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động:**  a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi. | |
| Đếm từ 1 đến 10.  Đếm theo chục từ 10 đến 100.  Đếm theo trăm từ 100 đến 1000.  Đếm theo nghìn từ 1000 đến 10000.  Đếm theo chục nghìn từ 10000 đến 100000.  Đếm theo trăm nghìn từ 100000 đến 1000000.  Đếm theo triệu từ 1000000 đến 10000000  Đếm theo chục triệu từ 10000000 đến 100000000  Đếm theo trăm triệu từ 100000000 đến 900000000  - GV đưa thẻ từ có số “4 656 700” và nói: “Đây là sản lượng nuôi trồng thủy sản trong thàng 8 năm 2021 của tỉnh Vĩnh Long”  - GV yêu cầu học sinh đọc số  - GV có thể ghi nhận một vài cách đọc của HS vào góc bảng  - GV giới thiệu bài | -HS thực hiện  -Nhận xét, đánh giá, tuyên dương bạn nắm vững kiến thức cũ  - HS tự đọc  - Lắng nghe  - Ghi bài vào vở |
| **2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới:**  **Triệu và lớp Triệu**  a. Mục tiêu: HS nhận biết các hàng trong lớp triệu; đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số có nhiều chữ số; giới thiệu các số tròn triệu, chòn chục triệu, tròn trăm trong phạm vi các số có 9 chữ số.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Hoạt động nhóm đôi | |
| **2.1 Hoạt động 1: Hệ thống các hàng đã học, giới thiệu hàng triệu, chục triệu, trăm triệu và lớp triệu** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm bốn và thực hiện các yêu cầu:  + đếm thêm trăm nghìn → triệu  + đếm thêm triệu → chục triệu  + đếm thêm chục triệu → trăm triệu  - GV trình chiếu ( hoặc treo ) khung (giống SGK), GV vấn đáp và hoàn thiện bảng.     * Lớp đơn vị gồm những hàng nào? * Lớp nghìn gồm những hàng nào?   - Đếm theo trăm nghìn  + Đếm thêm trăm nghìn: từ 10000 đến 1000000  + GV viết bảng lớp: 10 trăm nghìn = 1 triệu  - Đếm theo triệu  + Đếm thêm triệu: từ 1000000 đến 10000000  + GV viết bảng lớp: 10 triệu = 1 chục triệu  - Đếm theo chục triệu:  + Đếm thêm chục triệu: từ 10000000 đến 100000000  + GV viết bảng lớp: 10 chục triệu = 1 trăm triệu   * Em hãy đoán thửu xem các hàng triệu, chục triệu và trăm triệu sẽ thuộc lớp nào.   + GV kết luận và viết “Lớp triệu” vào bảng | - HS làm việc theo nhóm, thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS quan sát và trả lời câu hỏi   * Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm * Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn * HS trả lời tùy ý   - HS nói nhiều lần  + 10 trăm nghìn = 1 triệu, 1 triệu = 10 trăm nghìn.  + 10 triệu = 1 chục triệu, 1 chục triệu = 10 triệu.  + 10 chục triệu = 1 trăm triệu, 1 trăm triệu = 10 chục triệu. |
| **2.2 Hoạt động Đọc, viết các số có nhiều chữ số** | |
| - Yêu cầu HS hoạt động nhóm và điền số vào bảng theo các đơn vị hàng rồi đọc số.     * GV nói:   + Có 4 triệu, 6 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 6 nghìn và 7 trăm.  + Ta có số: Bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm.  - Đọc số, viết số   * GV viết trên bảng lớp: 4 656 700     - Viết số thành tổng theo các hàng   * GV viết lên bảng lớp :   4 656 700 = 4 000 000 + 600 000 + 50 000 + 6000 + 700  => So sánh với các cách đọc lúc khởi động | - HS hoạt động theo nhóm: điền số vào bảng theo các đơn vị hàng rồi đọc số.  - HS viết trên bảng con: 4 656 700  và đọc: Bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm.  - HS viết lên bảng con:  4 656 700 = 4 000 000 + 600 000 + 50 000 + 6000 + 700 |
| **3. Hoạt động Thực hành, luyện tập** | |
| ***Thực hành***  **Bài 1: Viết và đọc số**  a. Các số tròn triệu từ 1 000 000 đến 9 000 000  b. Các số tròn chục triệu từ 10 000 000 đến 90 000 000  c. Các số tròn trăm triệu từ 1000 000 000 đến 900 000 000  - GV yêu cầu HS tìm hiểu bài  - Sửa bài , GV khuyến khích nhiều HS đọc các dãy số  - GV đọc mỗi câu một số trong các số trên, yêu cầu HS viết vào bảng con.  - GV lưu ý HS số các chữ số 0 khi viết các số tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu có nhiều chữ số (số tròn triệu có tận cùng là số sáu chữ số 0; số tròn chục triệu có tận cùng là bảy chữ số 0, số tròn trăm triệu có tận cùng là tám chữ số 0)  **Bài 2: Đọc và viết các số:**  **a. Đọc các số**: 512075243; 68000742; 4203090  **b. Viết các số sau:**   * Sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm * Năm mươi triệu không nghìn một trăm linh hai * Bốn trăm ba mươi triệu không trăm linh tám nghìn   - GV hướng dẫn HS thực hiện theo mẫu  + Đọc số: GV viết bảng 307000262, cho HS quan sát, xác định các hàng và lớp 🡪GV đọc số  + Viết số: GV trình chiếu ( hoặc treo ) cách đọc số cho HS đọc 🡪 GV viết lên bảng lớp  - GV sửa bài, có thể yêu cầu HS  + Đọc số  + Viết số  + Nói giá trị các chữ số cụ thể, với câu b khuyến khích HS giải thích tại sao viết số đó | a.  - 1 000 000: Một triệu  - 2 000 000: Hai triệu  - 3 000 000: Ba triệu  - 4 000 000: Bốn triệu  - 5 000 000: Năm triệu  - 6 000 000: Sáu triệu  - 7 000 000: Bảy triệu  - 8 000 000: Tám triệu  - 9 000 000: Chín triệu  b.  - 10 000 000: Mười triệu  - 20 000 000: Hai mươi triệu  - 30 000 000: Ba mươi triệu  - 40 000 000: Bốn mươi triệu  - 50 000 000: Năm mươi triệu  - 60 000 000: Sáu mươi triệu  - 70 000 000: Bảy mươi triệu  - 80 000 000: Tám mươi triệu  - 90 000 000: Chín mươi triệu  c.  - 100 000 000: Một trăm triệu  - 200 000 000: Hai trăm triệu  - 300 000 000: Ba trăm triệu  - 400 000 000: Bốn trăm triệu  - 500 000 000: Năm trăm triệu  - 600 000 000: Sáu trăm triệu  - 700 000 000: Bảy trăm triệu  - 800 000 000: Tám trăm triệu  - 900 000 000: Chín trăm triệu  - HS nhận biết yêu cầu: viết và đọc các số tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu.  - HS thực hiện theo nhóm đôi: viết và đọc số cho nhau nghe  - HS viết vào bảng con  a) Đọc các số:  512 075 243 : Năm trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi ba  68 000 742 : Sáu mươi tám triệu không nghìn bảy trăm bốn mươi hai.  4 203 090 : Bốn triệu hai trăm linh ba nghìn không trăm chín mươi  b) Viết các số:   * Sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm : 6 278 400 * Năm mươi triệu không nghìn một trăm linh hai : 50 000 102 * Bốn mươi ba mươi triệu không trăm linh tám nghìn : 43 008 000   - HS đọc yêu cầu, xác định các việc cần làm: đọc, viết số (theo mẫu)  + HS lặp lại  Ba trăm linh bảy triệu không nghìn hai trăm sáu mươi hai  + HS thực hiện, quan sát và nhận xét.  - HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn |
| **4. Hoạt động vận dụng:**  a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Cá nhân – Bảng con | |
| - GV đọc số  - Yêu cầu HS viết và phân tích | - HS viết theo và phân tích . |
| **5. Hoạt động nối tiếp:**  - Về nhà tìm các bài tập tương tự để làm thêm.  - Chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TUẦN 11**

**TOÁN**

**Bài 25: TRIỆU – LỚP TRIỆU (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết các hàng trong lớp triệu; đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số có nhiều chữ số; giới thiệu các số tròn triệu, chòn chục triệu, tròn trăm trong phạm vi các số có 9 chữ số.

- Vận dụng để đọc các thông tin trong bảng thống kê số liệu

- HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV: đồ dùng hoc số; bảng cho nội dung Cùng học; hình ảnh mục Thử thách (nếu cần).
* HS: Bộ đồ dùng học số

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động:**  a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi. | |
| -T/C *Ai nhanh Ai đúng*  +TBHT điều hành    - Lớp theo dõi nhận xét, đánh giá. | - HS tham gia chơi  - 2HS lên bảng điền vào bảng, phân tích ai làm nhanh và đúng trước sẽ thắng.  - Nhận xét, đánh giá, tuyên dương bạn làm đúng. |
| **2. Hoạt động Luyện tập** | |
| a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức làm bài tập  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: | |
| ***Luyện tập***  **Bài 1: Đọc các số sau:**  a. 5 000 000  b. 30 018 165  c. 102 801 602  - Yêu cầu HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: đọc số  - Sửa bài, khuyến khích HS nói vị trí các chữ số theo lớp  Ví dụ: Mỗi nhóm/ số  a. 1 HS đọc số - 1 HS nói vị trí các chữ số theo lớp  + Đọc số: “Năm triệu”  + Nói vị trí các chữ số theo lớp:  Số 5 000 000 có lớp triệu là chữ số 5; lớp nghìn là ba chữ số 0; lớp đơn vị là ba chữ số 0.  **Bài 2: Viết các số sau:**  a. Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn  b. Một trăm triệu không trăm linh năm nghìn một trăm  c. Ba triệu không nghìn không trăm mười ba  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều HS nói cấu tạo số  Ví dụ:  a. Số 58 400 000 gồm 5 chục triệu, 8 triệu và 4 trăm nghìn  **Bài 3: Viết số thành tổng theo các hàng**  a. 6 841 603  b. 28 176 901  c. 101 010 101  - GV yêu cầu HS tìm hiểu bài  - GV có thể gợi ý các bước cho HS thực hiện theo mẫu:   * Viết số ra bảng con * Phân tích cấu tạo số 🡪 viết thành tổng   - GV sửa bài, khuyến khích HS nói nhiều | a. 5 000 000 : Năm triệu  b. 30 018 165 : Ba mươi triệu không trăm mười tám nghìn một trăm sáu mươi lăm  c. 102 801 602 : Một trăm linh hai triệu tám trăm linh một nghìn sáu trăm linh hai  - HS tìm hiểu bài và làm bài theo nhóm đôi  - HS lắng nghe và thực hiện  a) Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn : 58 400 000  b) Một trăm triệu không trăm linh năm nghìn một trăm : 100 005 100  c) Ba triệu không nghìn không trăm mười ba : 3 000 013  - HS xác định việc cần làm: viết số  - HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn  a) 6 841 603 = 6 000 000 + 800 000 + 40 000 + 1 000 + 600 + 3  b) 28 176 901 = 20 000 000 + 8 000 000 + 100 000 + 70 000 + 6 000 + 900 + 1  c) 101 010 101 = 100 000 000 + 1 000 000 + 10 000 + 100 + 1  - HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài  - HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** | |
| **Bài 4:** Bảng dưới đây cho biết số liệu về sản lượng cá diêu hồng và cá tra xuất khẩu của tỉnh Vĩnh Long trong 8 tháng đầu năm 2021 (đơn vị tính: kg)  Dựa vào bảng trên, em hãy đọc số liệu chỉ sản lượng cá đã xuất khẩu của:  a) Cá diên hồng  b) Cá tra  **-** Yêu cầu HS tìm hiểu bài  Lưu ý: Đọc số gắn với tên đơn vị đo khối lượng là ki-lô-gam  **Thử thách**  **-** Yêu cầu HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu bài học.  - GV có thể nói thêm về tỉnh Vĩnh Long | a) Cá diên hồng: 13 325 000 kg  b) Cá tra: 47 765 700 kg  HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài,  HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn  - HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: đọc số đo diện tích và viết số đo khối lượng ( theo thông tin thu thập được)  - HS đọc và chia sẻ những hiểu biết về ngành thủy sản ở tỉnh Vĩnh Long 🡪 HS viết vào bảng con |
| **4. Hoạt động nối tiếp:(1 phút)**  - Về nhà xem lại bài tập để nắm kĩ kiến thức.  - Chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TUẦN 11**

**TOÁN**

**BÀI 26: ĐỌC, VIẾT CÁC SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN ( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS sử dụng mười chữ số để viết số tự nhiên trong hệ thâp phân; đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số tự nhiên trong hệ thập phân; phân biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.

- Vận dụng để đọc các thông tin trong đời sống thực tế

- HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV và HS: Bộ đồ dùng học số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**  a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi. | |
| - Trò chơi “Tôi bảo”  - GV gọi vài em đọc số → GV viết số lên bảng ( chú ý sao cho các số viết trên bảng có sử dụng đầy đủ mười chữ từ 0 đến 9)  - GV đưa thẻ từ có số “96208984” và nói: “Đây là dân số Việt Nam năm 2019”  - GV yêu cầu HS đọc số | - HS tham gia chơi  - Thực hiện theo yêu cầu của GV |
| **2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới**  **Đọc, viết các số tự nhiên trong hệ thập phân**  a. Mục tiêu: HS sử dụng mười chữ số để viết số tự nhiên trong hệ thâp phân; đọc, viết số, cấu tạo thập phân của các số tự nhiên trong hệ thập phân; phân biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Hoạt động cả lớp | |
| **2.1 Hoạt động 1: Giới thiệu số tự nhiên trong hệ thập phân** | |
| - GV yêu cầu HS thực hiện:  … đơn vị = 1 chục … chục = 1 trăm  … trăm = 1 nghìn … nghìn = 1 chục nghìn  … … chục triệu = 1 trăm triệu  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bày ( mỗi nhóm/ yêu cầu )  - GV kết luận  + Các số được viết trên bảng là các số tự nhiên  GV viết: 0;1;2;3;4;5;…;100;…;1000;… là các số tự nhiên  + Cứ 10 đơn vị ở một hàng lại hợp thành 1 đơn vị ở hàng trên liên tiếp nó  10 đơn vị = 1 chục  10 chục = 1 trăm  …  Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó. | - HS làm việc theo nhóm bốn, thực hiện các yêu cầu của GV  - HS trình bày  **-** HS lắng nghe |
| **2.2. Hoạt động 2: Đọc, viết các số tự nhiên trong hệ thập phân** | |
| - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện  + Mỗi số ở trên bảng có mấy chữ số? Đó là những chữ số nào? Mỗi hàng viết mấy chữ số? Giá trị từng chữ số?  + Đọc số ở trên bảng. Đọc theo thứ tự nào?  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bày ( mỗi nhóm/ yêu cầu) → GV có thể ghi tóm tắt lên bảng  + Viết số: Dùng mười chữ số từ 0 đến 9 để viết các số tự nhiên, mỗi hàng viết một chữ số.  + Đọc số: theo thứ tự các lớp, các hàng từ trái sang phải  - GV đọc số  + Ví dụ: GV: “chín mươi sáu triệu hai trăm linh tám nghìn chín trăm tám mươi tư” | - HS thực hiện, trả lời câu hỏi của GV  - HS trình bày theo yêu cầu  - HS viết số, nói số chữ số, tên các chữ số thuộc hàng – lớp, giá trị các chữ số theo hàng  + HS: 96 208 984  → có 8 chữ số  → lớp triệu gồm các chữ số 9 và 6; lớp nghìn gồm các chủ số 2; 0 và 8; lớp đơn vị gồm các chủ số 9; 8 và 4  → chủ số 9 ở hàng chục triệu có giá trị là 90000000; chữ số 6 ở hàng triệu có giá trị là 6000000; chữ số 2 ở hàng trăm nghìn có giá trị là 200.000, chữ số 0 ở hàng chục nghìn có giá trị là 0; chữ số 8 ở hàng nghìn có giá trị là 8000; chữ số 9 ở hàng trăm có giá trị là 900; chữ số 8 ở hàng chục có giá trị là 80; chữ số 4 ở hàng đơn vị có giá trị là 4. |
| **3. Hoạt động Thực hành, luyện tập**  a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Cá nhân – Bảng con | |
| ***Thực hành***  **Bài 1: Đọc các số sau:**  a. 430 b. 27403 c. 151038000 d. 3000009  - GV yêu cầu HS tìm hiểu bài.  - GV sửa bài, khuyến khích HS nói vị trí và giá trị các chữ số theo hàng - lớp. Ví dụ: Mỗi nhóm/ số.  → Đọc các số theo thứ tự nào? (từ trái sang phải)  **Bài 2: Viết các số sau:**  a. Bốn trăm linh sáu nghìn hai trăm mười  b. Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn chín trăm tám mươi mốt  c. Sáu trăm hai mươi lăm triệu không trăm linh ba nghìn ba trăm hai mươi.  - GV xác định yêu cầu bài  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều HS nói cấu tạo số.  Lưu ý: GV cũng có thể đọc từng số cho HS viết vào bảng con rồi gọi HS nói cấu tạo số hoặc giá trị của từng chữ số theo đơn vị hàng.  **Bài 3: Viết giá trị của mỗi chữ số màu đỏ trong các số sau:**  a. 7365 b. 482 c. 6108952 d. 354073614  - GV có thể gợi ý các bước cho HS thực hiện mẫu:  • Viết số ra bảng con.  • Xác định vị trí chữ số màu đỏ (hàng - lớp) →Viết giá trị của chữ số màu đỏ.  – GV sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói.  Lưu ý: GV cũng có thể viết từng số lên bảng lớp, nêu chữ số cho HS viết giá trị của chữ số đó vào bảng con rồi cho vải HS giải thích tại sao lại viết giá trị đó. | - Tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: đọc số  - HS làm bài theo nhóm đôi  - HS thực hiện  a) 1 HS đọc số – 1 HS nói.  • Đọc số: “Bốn trăm ba mươi”.  • Nói vị trí các chữ số theo lớp:  Số 430 có lớp đơn vị là các chủ số 4; 3 vào 0. Chữ số 4 ở hàng trăm có giá trị là 400, chữ số 3 ở hàng chục có giá trị là 30; chữ số 0 ở hàng đơn vị có giá trị là 0.  - HS đọc yêu cầu.  - HS xác định các việc cần làm: viết số  - HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  Ví dụ: 1 HS viết số – 1 HS nói cấu tạo số.  a) Số 406 210 gồm 4 trăm nghìn, 6 nghìn, 2 trăm và 1 chục.  - Nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài viết giá trị của chữ số màu đỏ.  – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  Ví dụ: a) Số 7365 có chữ số 7 ở hàng nghìn, lớp nghìn → 7000. |
| **4. Hoạt động nối tiếp:**  - Về nhà xem lại bài.  - Chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**